

Số: 31/2019/QĐST-DS

B, ngày 16 tháng 5 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 168/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018.

### **XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Dũng T, sinh năm 1977; địa chỉ ấp C, xã M, huyện B, tỉnh B.

2. Bà Đào Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ ấp C, xã M, huyện B, tỉnh B.

- *Bị đơn:* ông Mai Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ 559D khu phố 3, phường 8, thành phố B, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Đào Thị O, sinh năm 1985; địa chỉ ấp C, xã M, huyện B, tỉnh B.

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà Đào Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ ấp C, xã M, huyện B, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (công chứng ngày 04/6/2018, thửa đất 20, tờ bản đồ 4, diện tích 471,7m<sup>2</sup>, tọa lạc xã M, huyện B, tỉnh B) và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không ngày/tháng/năm, không ghi đối tượng chuyển nhượng và không có công chứng/chứng thực) giữa bà Đào Thị L và ông Mai Minh H.

Bà Đào Thị L và ông Nguyễn Dũng T có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Mai Minh H số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên do bà L và ông T đã trả trước cho ông H số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nên bà L và ông T có nghĩa vụ liên đới trả tiếp cho ông H số tiền còn lại là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) vào ngày 07/11/2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng (đo đạc, thu thập quy trình, định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ): 3.232.000đ (Ba triệu hai trăm ba mươi hai ngàn đồng) bà Đào Thị L và ông Nguyễn Dũng T liên đới chịu (đã nộp xong).

4. Án phí dân sự sơ thẩm do hòa giải thành được giảm 50% là  $(150.000đ + 110.000.000đ \times 2,5\%) = 2.900.000đ$  (hai triệu chín trăm ngàn đồng) bà Đào Thị L và ông Nguyễn Dũng T đồng ý liên đới nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0020005 ngày 05/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Do đó, bà L và ông T còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm ngàn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi Cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh B;
- UBND xã M;
- Lưu.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B**  
**Thẩm phán**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**